

Bản án số: 63/2017/HSPT

Ngày: 05-9-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Phong

Các Thẩm phán:

1. Ông Hoàng Thanh Dũng

2. Ông Hoàng Minh Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 8 và 05 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 65/2017/HSPT ngày 14 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc D do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2017/HSST ngày 24/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

Bị cáo có kháng cáo:

1/ Nguyễn Ngọc D; Sinh năm: 1990 tại tỉnh Bình Phước.

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Tiền án, tiền sự : Không. Con ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1964 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1969. Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1994 và có 01 con sinh năm 2016. Bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trần Thị N - Văn phòng Luật sư T – Thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

Địa chỉ: 703 Quốc lộ 14, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước.

Trong vụ án còn có những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Đức K, Ông Nguyễn Ngọc T, Chị Nguyễn Thị Ngọc H, Bà Phạm Thị H; nguyên đơn dân sự là UBND huyện B không có kháng cáo và Viện kiểm sát không có kháng nghị nên Hội đồng xét xử không triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo Nguyễn Ngọc D bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập truy tố và Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập xét xử về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng tháng 05/2015 Nguyễn Ngọc D lên mạng Internet thấy trang Web quảng cáo làm giả các loại giấy tờ có địa chỉ thư điện tử (Email): Nguyenhoanthai1989@gmail.com của một đối tượng có tên là T (không rõ nhân thân, lai lịch) ở thành phố Hồ Chí Minh, nên D nảy sinh ý định làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp vay vốn ngân hàng lấy tiền trả nợ và tiêu xài. Sau đó, D dùng điện thoại di động Nokia 630 màu đen điện thoại cho T và thuê T làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với giá 11.000.000 đồng thì T đã đồng ý. Sau khi thỏa thuận xong thì D sao chụp và gửi hình Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật số 428256 do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước cấp ngày 30/10/2003 mang tên ông Nguyễn Ngọc T, trú tại thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước (là cha của D) cùng với các thông tin cá nhân của D qua Email nêu trên cho T. Đến cuối tháng 8/2015, có một người (không rõ họ tên nhân thân, lai lịch) tự xưng là nhân viên của bưu điện đến gặp D và giao cho D Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số BH 563180 do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước cấp ngày 15/4/2015 mang tên Nguyễn Ngọc D, và D đã trả cho người này số tiền 11.000.000 đồng tiền công.

Sau khi có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nêu trên thì D gặp người quen là ông Nguyễn Đức H, ở tại Ấp Thuận H, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước nhờ ông H cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả này để vay tiền giúp D. Do không biết là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nên ông H đã đưa D đến gặp ông Nguyễn Đức K, ở tại Ấp Thuận H, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (là cha của ông H) để vay tiền. D đã thỏa thuận với ông K giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số BH 563180 cho ông K và vay của ông K số tiền 220.000.000đ trong thời hạn 06 tháng với lãi suất 3%/tháng. Ông K không biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nên đã đồng ý và ra điều kiện là D phải làm Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (việc lập hợp đồng này chỉ là hình thức để ràng buộc nhau trong việc vay tiền chứ thực tế không phải là chuyển nhượng chính thức) cho ông K đổi với diện tích đất 16832 m² tại thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình

Phước trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. D đồng ý và đến ngày 13/8/2015 hai bên đã đến Văn phòng công chứng Bình Phước tại phường T, thị xã Đ, Bình Phước làm Hợp đồng chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/4/2015 mang tên Nguyễn Ngọc D (bên chuyển nhượng) và Nguyễn Thị Ngọc H (là con của ông K) ở tại Ấp Thuận H, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (bên nhận chuyển nhượng). Nếu hết thời hạn mà D không có khả năng trả nợ thì D phải hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông K, chị H. Sau khi công chứng hợp đồng xong, ông K đưa cho D số tiền 220.000.000đ và D sử dụng số tiền này để trả nợ, tiêu xài cá nhân hết. Trong quá trình thực hiện vay nợ, đến thời hạn trả nợ nhưng do D không có khả năng trả nợ, nên vào ngày 18/02/2016 ông H và chị H mang Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến Văn phòng đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Bình Phước để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tại đây, Văn phòng đăng ký đất đai huyện B nghi ngờ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là giả nên đã báo cáo đến Sở tài nguyên môi trường tỉnh Bình Phước. Sau đó, Sở tài nguyên môi trường tỉnh Bình Phước đã chuyển vụ việc và ban giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số BH 563180 ngày 15/4/2015 mang tên ông Nguyễn Ngọc D đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước để điều tra, xác minh theo thẩm quyền.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2017/HSST ngày 24/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập tuyên xử:

1/ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc D phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan”.

- Áp dụng điểm khoản 1, khoản 4 Điều 267; các điểm b, g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc D 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/5/2017 bị cáo Nguyễn Ngọc D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa, bị cáo D thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phát biểu: Hành vi của bị cáo D thuê đối tượng tên T làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bị cáo và sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả này để thế chấp vay tiền của ông K đã đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả tài liệu giấy tờ của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 267 Bộ luật hình sự như Bản án sơ thẩm tuyên là có căn cứ. Tuy nhiên hành vi sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để thế chấp

cho ông K vay số tiền 220.000.000 đồng là có dấu hiệu của tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Như vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã bỏ lọt tội phạm. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử huỷ toàn bộ Bản án sơ thẩm số 19/2017/HSST ngày 24/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện B để điều tra, truy tố, xét xử lại theo thủ tục chung. Do đó kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, Viện kiểm sát không xem xét.

Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng: Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội “Làm giả tài liệu cơ quan, tổ chức”. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bị cáo phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan” là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo D 2 năm tù là có căn cứ. Tuy nhiên bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại và cho rằng bị cáo có dấu hiệu về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là không có căn cứ. Mặc dù bị cáo D đã có hành vi sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để vay tiền nhưng tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bị cáo cũng không thừa nhận là có mục đích chiếm đoạt tài sản. Trên thực tế bị cáo vẫn trả lãi cho ông K đầy đủ, sau khi bị phát hiện là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thì bị cáo đã trả lại toàn bộ số tiền cho ông K. Vì vậy bị cáo không có ý thức lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông K.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và lời khai của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên khoảng tháng 5/2015, bị cáo lên mạng internet và nhờ đối tượng tên T làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bị cáo với giá 11.000.000 đồng. Sau đó bị cáo mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả này thế chấp cho ông Nguyễn Đức K để vay số tiền 220.000.000 đồng với lãi suất 3%/1 tháng với thời hạn vay là 06 tháng. Bị cáo đã trả được tiền lãi. Sau khi ông K phát hiện ra Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là giả thì bị cáo đã trả lại cho ông K 220.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, xét xử thì bị cáo đã khai nhận diễn biến, hành vi phạm tội như trên. Xét lời khai của bị cáo là phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với tất cả các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập, có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo nhờ Thái làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này để lừa dối ông K vay số tiền 220.000.000 đồng là đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của Ủy ban nhân dân huyện

B trong hoạt động cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân. Làm giảm uy tín của cơ quan nhà nước. Bị cáo nhận thức được việc nhờ người làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đó để vay tiền người khác là hành vi vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện.

[2] Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả giấy tờ, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 267 Bộ luật hình sự như Bản án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử hủy Bản án sơ thẩm vì có dấu hiệu bỏ lọt hành vi phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Xét quan điểm của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là không có căn cứ bởi lẽ: Mặc dù bị cáo có hành vi gian dối là dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để vay của ông K số tiền 220.000.000 đồng, nhưng bị cáo không có ý thức chiếm đoạt số tiền đó. Cụ thể khi vay tiền của ông K, bị cáo thỏa thuận lãi suất và hàng tháng đều trả lãi suất đầy đủ cho ông K, khi ông K phát hiện ra Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là giả thì bị cáo đã hoàn trả lại cho ông K số tiền gốc 220.000.000 đồng và phía ông K cũng khẳng định không có thiệt hại xảy ra. Bản thân ông K cũng đã nhận được hơn 30.000.000 đồng tiền lãi của bị cáo. Do đó không có căn cứ kết luận hành vi của bị cáo có dấu hiệu lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

[4] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ là: Bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ theo điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự được Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo.

Đối với các tình tiết giảm nhẹ phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc thiệt hại không lớn; bị cáo tự nguyện khắc phục hậu quả theo điểm b, g khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo là không phù hợp với quy định của pháp luật. Bởi lẽ; việc bị cáo và gia đình bị cáo trả lại cho ông K số tiền 220.000.000 đồng là hoàn trả số tiền gốc của giao dịch dân sự mà không phải là khắc phục hậu quả. Đồng thời hành vi phạm tội của bị cáo là xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước, làm giảm uy tín của cơ quan nhà nước là thiệt hại nghiêm trọng. Tuy nhiên các tình tiết giảm nhẹ này không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không làm xấu hơn tình trạng của bị cáo. Cấp phúc thẩm nêu ra để Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

Xét về nhân thân của bị cáo và tính chất hành vi phạm tội của bị cáo. Thì thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước và địa phương. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Đối chiếu với Nghị quyết 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự về án treo thì bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định một thời gian thử thách đối với bị cáo để bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội để trở thành công dân tốt là thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Xã hội chủ nghĩa.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 19/2017/HSST ngày 24/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[6] Các quyết định của Bản án hình thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248; điểm đ khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[1] Chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Ngọc D.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2017/HSST ngày 24/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 4 Điều 267; điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc D 02 (Hai) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (Ngày 05/9/2017).

- Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo D thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

[2] Các quyết định của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Ngọc D không phải chịu.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND, VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Công an, Chi cục THADS h. Bù Gia Mập;
- PV 27, PC 81 Công an tỉnh;
- UBND xã Phước Minh, h. BGM;
- Bị cáo kháng cáo;
- TB kết quả xét xử;
- Lưu: HS, HCTP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Viết Phong